

Quy định pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp khi xảy ra tai nạn lao động

1. Quy trình xử lý tai nạn lao động:

Bước 1: Kịp thời sơ cứu, cấp cứu cho người lao động bị tai nạn lao động

Theo khoản 1 Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, kịp thời sơ cứu, cấp cứu cho người lao động; tạm ứng chi phí sơ cứu, cấp cứu và điều trị cho người lao động bị tai nạn lao động.

Bước 2: Khai báo tai nạn lao động

Theo Điều 34 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015 và Điều 10 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, việc khai báo tai nạn lao động được thực hiện như sau:

- Khi xảy ra tai nạn lao động tại nơi làm việc thì người bị tai nạn hoặc người biết sự việc báo ngay cho người phụ trách trực tiếp, người sử dụng lao động biết.

- Khi biết tin xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên, người sử dụng lao động nạn phải khai báo nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) tới Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi xảy ra tai nạn; trường hợp chết người, báo ngay cho cả cơ quan Công an cấp huyện.

Lưu ý: Với các lĩnh vực phóng xạ, thăm dò, khai thác dầu khí, các phương tiện vận tải đường sắt, thủy, bộ, hàng không và các đơn vị lực lượng vũ trang thì phải báo cho cả Bộ quản lý ngành lĩnh vực đó.

Bước 3: Giữ nguyên hiện trường vụ tai nạn lao động nặng hoặc chết người

Theo khoản 3 Điều 18 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, nguyên tắc giữ nguyên hiện trường được quy định như sau:

- Nếu phải cấp cứu, ngăn chặn những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra mà làm xáo trộn hiện trường: Phải vẽ lại sơ đồ hiện trường, lập biên bản, chụp ảnh, quay phim hiện trường (nếu có thể).

- Chỉ được xóa bỏ hiện trường và mai táng sau khi đã hoàn thành các bước điều tra và được Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc công an đồng ý bằng văn bản.

Bước 4: Thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cơ sở và tiến hành điều tra

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động, người sử dụng lao động chỉ phải thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để điều tra tai nạn lao động làm bị thương nhẹ, tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động.

Trường hợp tai nạn lao động khác do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp trung ương.

Theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, ngay khi biết tin xảy ra tai nạn lao động, người sử dụng lao động phải thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở.

Thời hạn tiến hành điều tra tai nạn lao động:

- Không quá 04 ngày: Tai nạn lao động làm bị thương nhẹ người lao động.
- Không quá 07 ngày: Tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động.

Đoàn điều tra tai nạn lao động phải tiến hành điều tra theo quy trình, thủ tục sau:

- Thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu.
- Lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan.
- Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu cần thiết).
- Phân tích kết luận về: diễn biến, nguyên nhân tai nạn; kết luận về vụ tai nạn; mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi; các biện pháp khắc phục và phòng ngừa.

- Lập Biên bản điều tra tai nạn lao động.
- Tổ chức cuộc họp và lập Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động.
- Gửi Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động tới nạn nhân hoặc thân nhân người bị nạn; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong 03 ngày làm việc.

Người sử dụng lao động phải tạo điều kiện cho người lao động liên quan đến vụ tai nạn cung cấp thông tin cho Đoàn Điều tra tai nạn lao động.

Bước 5: Thông báo thông tin về tai nạn lao động tới người lao động

Căn cứ khoản 7 Điều 18 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, người sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo đầy đủ thông tin liên quan về tai nạn lao động tới tất cả người lao động thuộc đơn vị mình.

Bước 6: Hoàn chỉnh hồ sơ và lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động

Theo khoản 8 Điều 18 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, thời gian lưu trữ hồ sơ thực hiện như sau:

- 15 năm: Vụ tai nạn lao động chết người
- Đến khi người bị tai nạn lao động nghỉ hưu: Vụ tai nạn lao động khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 16 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, hồ sơ vụ tai nạn lao động bao gồm bản chính hoặc bản sao các tài liệu sau:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường (nếu có).
- Sơ đồ hiện trường.
- Ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân.
- Biên bản khám nghiệm tử thi/khám nghiệm thương tích.
- Biên bản giám định kỹ thuật, pháp y, kết luận giám định tư pháp (nếu có);
- Biên bản lấy lời khai.
- Biên bản điều tra tai nạn lao động.
- Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.
- Giấy chứng thương (nếu có).
- Giấy ra viện (nếu có).

Bước 7: Thanh toán chi phí phục vụ cho điều tra tai nạn lao động

Theo khoản 1 Điều 27 Nghị định 39/2016/NĐ-CP, chi phí điều tra tai nạn lao động mà người sử dụng lao động phải trả các chi phí sau: dựng lại hiện trường; chụp, in, phóng ảnh hiện trường và nạn nhân; trưng cầu giám định; in ấn các tài liệu liên quan; phương tiện đi lại tại nơi xảy ra tai nạn lao động phục vụ quá trình điều tra; tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.

Bước 8: Chi trả bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động

Theo Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động, người lao động bị tai nạn lao động được trả đủ tiền lương trong thời gian nghỉ điều trị, phục hồi chức năng lao động, được bồi thường tương ứng với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động.

Bước 9: Hướng dẫn, giới thiệu người lao động giám định sức khỏe

Theo khoản 6 Điều 38 và Điều 47 Luật An toàn, vệ sinh lao động, sau khi vết thương tai nạn lao động được điều trị ổn định, người sử dụng lao động giới thiệu để người lao động được giám định y khoa xác định mức độ suy giảm khả năng lao động.

Bước 10: Thực hiện biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả tai nạn lao động

Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả do tai nạn lao động; rút kinh nghiệm; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị ghi trong biên bản điều tra tai nạn lao động; xử lý người có lỗi.

Bước 11: Sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe người lao động

Khi người lao động trở lại làm việc, người sử dụng lao động phải sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe của người lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa theo khoản 8 Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp khi người lao động bị tai nạn lao động

Điều 38 Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Theo đó, trách nhiệm của doanh nghiệp khi người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như sau:

- Kịp thời sơ cứu, cấp cứu cho người lao động bị tai nạn lao động và phải tạm ứng chi phí sơ cứu, cấp cứu và điều trị cho người lao động bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;

- Thanh toán chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định cho người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp như sau:

- + Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế;

- + Trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với những trường hợp kết luận suy giảm khả năng lao động dưới 5% do người sử dụng lao động giới thiệu người lao động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa;

- + Thanh toán toàn bộ chi phí y tế đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế;

- Trả đủ tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động;

- Bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp với mức như sau:

- + Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

- + Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động mà do lỗi của chính họ gây ra một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định tại khoản 4 điều 38 Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 với mức suy giảm khả năng lao động tương ứng;

- Giới thiệu để người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định y khoa xác định mức độ suy giảm khả năng lao động, được điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động theo quy định pháp luật;

- Thực hiện bồi thường, trợ cấp đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa về mức suy giảm khả năng lao động hoặc kể từ ngày Đoàn điều tra tai nạn lao động công bố biên bản điều tra tai nạn lao động đối với các vụ tai nạn lao động chết người;

- Sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi điều trị, phục hồi chức năng nếu còn tiếp tục làm việc;

- Lập hồ sơ hưởng chế độ về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật An toàn vệ sinh lao động 2015;

- Tiền lương để làm cơ sở thực hiện các chế độ bồi thường, trợ cấp, tiền lương trả cho người lao động nghỉ việc do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được quy định tại các khoản 3, 4 và 5 điều 38 Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 là tiền lương bao gồm mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Căn cứ quy định trên, doanh nghiệp phải có trách nhiệm bồi thường và trợ cấp cho các trường hợp người lao động bị tai nạn lao động.

3. Truy cứu hình sự nếu vi phạm quy định an toàn lao động

Căn cứ Điều 295 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017) quy định về tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người như sau:

- Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

+ Làm chết người;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

+ Làm chết 02 người;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

- + Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;
- + Là người có trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 12 năm:

- + Làm chết 03 người trở lên;

- + Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

- + Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

- Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều 295 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017) nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.